

Số: 65/TTr-UBND

Hà Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng
tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu**

Kính gửi: Kỳ họp thứ 7 -
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVII.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 363-KL/TU ngày 11/6/2018 và Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 92/HĐND-VP ngày 07/6/2018 về việc phúc đáp văn bản của UBND tỉnh đề nghị xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh trình Kỳ họp thứ 7; Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng trình Kỳ họp thứ 7 - Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, nhiệm kỳ 2016-2021, dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Giải pháp hỗ trợ việc triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII trên địa bàn tỉnh: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập” đã xác định mục tiêu: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý; giảm mạnh đầu mối, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Theo đó, trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên và Đề án tổng thể số 22-ĐA/TU ngày 08/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về đổi mới, sắp xếp các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII*” sẽ dẫn đến có số lượng nhất định trường hợp công chức, viên chức, người lao động dôi dư so sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế hoặc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc có thể có trường hợp công chức, viên chức, người lao

động xin tự nguyện thôi việc, tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.v.v... nhưng không có cơ chế chính sách hỗ trợ, giải quyết nên sẽ gặp khó khăn.

2. Góp phần tiếp tục triển khai thực hiện tinh giản biên chế: Thực hiện Chương trình số 15-CTr/TU ngày 19/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên phạm vi toàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Kế hoạch số 155-KH/UBND ngày 05/7/2016, Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 13/6/2018 về tinh giản biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2015 - 2021 (thay thế Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 22/6/2017). Tuy nhiên, để đạt mục tiêu đến năm 2021 giảm ít nhất 10% tổng biên chế so với năm 2015 theo quy định của Trung ương, thì trong 3 năm còn lại (từ 2019-2021), toàn tỉnh còn phải giảm 129 biên chế công chức (trong đó có 05 chỉ tiêu nguồn dự phòng tỉnh), 1.817 chỉ tiêu viên chức và 80 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP¹ là rất khó khăn.

3. Kết quả giải quyết chế độ thôi việc theo quy định hiện hành và những khó khăn, bất cập: Bên cạnh việc triển khai tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị cũng đã và đang tiếp tục giải quyết chính sách thôi việc tự nguyện đối với công chức theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc theo quy định của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Tuy nhiên, chính sách thôi việc tự nguyện đối với công chức được thực hiện từ năm 2010 và viên chức từ năm 2012 đến nay, nhưng số lượng công chức, viên chức thôi việc hằng năm ít (trung bình khoảng 20-30 người/năm), chủ yếu do hoàn cảnh gia đình hoặc chuyển sang khu vực tư nhân. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách hỗ trợ thôi việc hiện nay thấp², đặc biệt đối với những người có thời gian công tác ngắn.

¹ - Biên chế công chức: Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh mới giảm được 116 = 4,74% so với năm 2015; đến năm 2021 (trong 3 năm còn lại từ 2019-2021), toàn tỉnh còn phải giảm 129 biên chế = 5,27% mới đạt chỉ tiêu giảm 10% so với năm 2015 theo quy định.

- Chỉ tiêu số lượng người làm việc (viên chức): Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh mới giảm được 836 = 3,15% so với năm 2015; đến năm 2021 (trong 3 năm còn lại từ 2019-2021), toàn tỉnh còn phải giảm 1.817 chỉ tiêu = 6,85% mới đạt chỉ tiêu giảm 10% so với năm 2015 theo quy định.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh tăng 49 chỉ tiêu = 15,8% so với năm 2015; đến năm 2021 (trong 3 năm còn lại từ 2019-2021), toàn tỉnh còn phải giảm 80 chỉ tiêu mới đạt chỉ tiêu giảm 10% so với năm 2015 theo quy định.

² Trợ cấp thôi việc theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP, Nghị định 29/2012/NĐ-CP quy định công chức, viên chức thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc như sau: Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng, gồm mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng.

Tương ứng với chế độ chính sách thì: Nếu công chức, viên chức có 5 năm công tác được hỗ trợ là 10 triệu, 10 năm là 25 triệu, 15 năm là 45 triệu, 20 năm là 70 triệu) so với một số chính sách liên quan ban hành sau đó như Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ thì bình quân công chức được hỗ trợ khoảng 100 triệu đồng/người, viên chức sự nghiệp giáo dục được hỗ trợ khoảng 150 triệu đồng/người (cao hơn cán bộ, công chức do có thâm niên nghề), viên chức sự nghiệp khác thì mức bình quân tương đương với công chức.

Mặt khác, thực tế hiện nay, cán bộ (cấp xã) và công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có nguyện vọng thôi việc hoặc những trường hợp còn thời gian công tác từ 3 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, cũng có nguyện vọng nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu nhưng không thể áp dụng giải quyết theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP do không đúng đối tượng, điều kiện quy định. Vì vậy, nếu có chính sách hỗ trợ của tỉnh để các đối tượng này có thể được xét giải quyết cho thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu sẽ thuận lợi trong việc thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.v.v...

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, quy định hiện hành của nhà nước và những khó khăn, bất cập từ thực tiễn nêu trên thì việc xây dựng và ban hành chính sách của tỉnh hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu là hoàn toàn phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Làm căn cứ để giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có nguyện vọng tự nguyện thôi việc (*ngoài chế độ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP đối với viên chức*), tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu nhưng không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và không thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; góp phần thực hiện đạt mục tiêu đến năm 2021 giảm ít nhất 10% tổng biên chế so với năm 2015 theo quy định của Trung ương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

2.1. Đảm bảo đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, khả năng bố trí nguồn lực bảo đảm khi thực thi chính sách.

2.2. Xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh góp phần triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII "một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực,

hiệu quả” và “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, cũng như Đề án tổng thể số 22-ĐA/TU ngày 08/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về đổi mới, sắp xếp các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII” trên địa bàn tỉnh, nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà vẫn hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

2.3. Việc xây dựng và ban hành chính sách cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng như góp phần đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trong các đơn vị sự nghiệp công.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở sự cần thiết ban hành Nghị quyết, được sự đồng ý của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 92/HĐND-VP ngày 07 tháng 6 năm 2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành chức năng nghiên cứu, tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan. Đến nay, dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu, hoàn chỉnh theo Kết luận số 363-KL/TU ngày 11/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kết luận phiên họp UBND tỉnh tháng 6/2018 và kinh nghiệm của 02 tỉnh Yên Bái, Vĩnh phúc (theo Báo cáo số 143-BC/ĐD.HĐND ngày 18/5/2018 của Đảng đoàn HĐND tỉnh).

Để đảm bảo hồ sơ trình Kỳ họp thứ 7 - Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước³, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 2051/UBND-NC ngày 12/6/2018 đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo Hiểm xã hội Việt Nam cho ý kiến bằng văn bản đối với việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên và gửi UBND tỉnh trước ngày 28/6/2018 để hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh theo quy định. Tuy nhiên đến thời điểm ban hành Tờ trình này, UBND tỉnh vẫn chưa nhận được ý kiến nào.

Qua tham khảo, một số địa phương cũng đã ban hành chính sách tương tự, như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Phúc và gần đây nhất là tỉnh Yên Bái ban hành Nghị quyết vào tháng 4/2018. Do đó, UBND tỉnh vẫn hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết để trình Kỳ họp thứ 7 - Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII; đồng thời tiếp tục phối hợp để các Bộ, ngành Trung ương sớm có văn bản tham gia ý kiến đối với đề nghị của UBND tỉnh.

³ Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách nêu rõ: “*Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.*”

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật; ngoài phần căn cứ, nội dung Nghị quyết gồm 3 điều, trong đó Điều 1 được bố cục thành điều, khoản, điểm, quy định về: Phạm vi, đối tượng điều chỉnh, điều kiện áp dụng, mức hỗ trợ, kinh phí và thời gian thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện (trừ đơn vị tự chủ 100%).

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã.

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2.3. Đối tượng không áp dụng

a) Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Công chức, viên chức, người lao động chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

c) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; bác sỹ, dược sỹ đại học trở lên; viên chức, người lao động thuộc đơn vị sự nghiệp tự chủ 100%.

d) Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, hoặc đang bị xem xét kỷ luật, đang trong thời gian thi hành kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

2.4. Điều kiện áp dụng

a) Đối tượng nêu tại mục 2.2 nếu tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản, đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách thôi việc ngay.

b) Trường hợp đối tượng nêu tại mục 2.2 nếu có thời gian công tác từ đủ 01 năm đến 03 năm sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, mà tự nguyện nghỉ công tác, chờ đủ tuổi nghỉ hưu và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản, đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu.

Ưu tiên đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Mức hỗ trợ

a) Đối tượng thôi việc ngay: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc (tương đương 6 triệu đồng/năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội) nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

b) Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu quy định: Được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương và được đóng BHXH, BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh trong thời gian chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

2.6. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo bằng việc bố trí 2% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên hằng năm của tỉnh (không bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương; dự kiến khoảng 15 tỷ đồng) và từ kinh phí vượt thu hằng năm (nếu có).

Hằng năm, tùy thuộc vào nguồn kinh phí, tỉnh sẽ ưu tiên bố trí để giải quyết chính sách đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, đơn vị trong diện sắp xếp kiện toàn tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.7. Thời gian thực hiện

Từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu, Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng trình Kỳ họp thứ 7 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, xem xét, quyết định./.

Kèm theo Tờ trình này gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu;

(2) Văn bản số 92/HĐND-VP ngày 07/6/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phúc đáp văn bản của UBND tỉnh đề nghị xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh trình Kỳ họp thứ 7;

(3) Công văn số 2051/UBND-NC ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo Hiểm xã hội Việt Nam cho ý kiến đối với việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên của Hội đồng nhân dân tỉnh;

(4) Báo cáo số 163/BC-STP ngày 22/6/2018 của Sở Tư pháp thẩm định Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu;

(5) Báo cáo số 145/BC-SNV ngày 26/6/2018 của Sở Nội vụ về tiếp thu, giải trình ý kiến còn khác nhau tại phiên họp UBND tỉnh ngày 25/6/2018 về dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để Báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XVII;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (CCVC);
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT, NC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

Số: /2018/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng
tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; Báo cáo thẩm tra của.....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu thuộc địa phương quản lý, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện (trừ đơn vị tự chủ 100%).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Các đối tượng quy định Khoản 2 Điều này sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Điều kiện áp dụng:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này nếu tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách thôi việc ngay.

b) Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có thời gian công tác từ đủ 01 năm đến 03 năm sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, mà tự nguyện nghỉ công tác, chờ đủ tuổi nghỉ hưu và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu;

Ưu tiên đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Mức hỗ trợ:

a) Đối tượng thôi việc ngay quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc (tương đương 6.000.000 đồng/năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội) nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

b) Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này: Được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương và được đóng BHXH, BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh trong thời gian chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

5. Nghị quyết không áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

và các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội;

b) Công chức, viên chức, người lao động chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh;

c) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; bác sỹ, dược sỹ đại học trở lên; viên chức, người lao động thuộc đơn vị sự nghiệp tự chủ 100%;

d) Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, hoặc đang bị xem xét kỷ luật, đang trong thời gian thi hành kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định;

6. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn tiết kiệm 2% dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương hàng năm (không bao gồm quỹ tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương) và nguồn vượt thu ngân sách hàng năm (nếu có)".

7. Thời gian thực hiện: Nghị quyết được thực hiện kể từ ngày .../.../2018 đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Lao động TBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, Trung tâm TT-CB;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Hội đặc thù tỉnh;
- Đảng ủy các Khối cơ quan, Doanh nghiệp tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy;
- HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **92** /HĐND-VP

V/v phúc đáp văn bản của UBND tỉnh
về đề nghị xây dựng các Nghị quyết của
HĐND tỉnh trình Kỳ họp thứ 7

Hà Giang, ngày **7** tháng **6** năm **2018**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Thường trực HĐND tỉnh nhận được Tờ trình số 46/TTr - UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh, về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 6/6/2018 về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức chi thù lao cho người đọc, nghe, xem để kiểm tra, thẩm định nội dung báo chí lưu chiếu trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Sau khi xem xét, Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

Nhất trí theo đề nghị của UBND tỉnh về xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh trình tại Kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh Khóa XVII, nhiệm kỳ 2016-2021 xem xét, thông qua; cụ thể:

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu;

2. Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức chi thù lao cho người đọc, nghe, xem để kiểm tra, thẩm định nội dung báo chí lưu chiếu trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Đề nghị UBND tỉnh khi trình ban hành Nghị quyết phải tuân thủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành; riêng Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu, đề nghị có văn bản xin ý kiến của một số Bộ, ngành Trung ương như: Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Thường trực HĐND tỉnh thông báo để UBND tỉnh biết, chuẩn bị.

Nota nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như kính gửi;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- LĐ và CV Phòng Tổng hợp;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chung Thị Chiên

Số: 2051/UBND-NC

Hà Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2018

V/v đề nghị cho ý kiến đối với việc
xây dựng Nghị quyết của HĐND
tỉnh hỗ trợ CBCCVN, lao động hợp
đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ
công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo Hiểm xã hội Việt Nam.

Được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy Hà Giang tại Kết luận số 355-KL/TU ngày 20/5/2018 và Thường trực HĐND tỉnh Hà Giang tại Văn bản số 92/HĐND-VP ngày 07/6/2018 về việc phúc đáp văn bản đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh trình Kỳ họp thứ 7; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

Để việc tham mưu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Nghị quyết đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định tại Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bảo Hiểm xã hội Việt Nam cho ý kiến đối với nội dung cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập” đã xác định mục tiêu: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý; giảm mạnh đầu mối, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức.

Như vậy, quá trình triển khai và tổ chức thực hiện sẽ dẫn đến có số lượng nhất định trường hợp công chức, viên chức, người lao động dôi dư so sắp xếp bộ

máy, tinh giản biên chế hoặc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc có thể có trường hợp công chức, viên chức, người lao động xin tự nguyện thôi việc, tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.v.v... nhưng không có cơ chế chính sách hỗ trợ, giải quyết nên sẽ gặp khó khăn. Bên cạnh việc triển khai tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Hà Giang cũng đã và đang tiếp tục giải quyết chính sách thôi việc tự nguyện đối với công chức và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức (gọi tắt là Nghị định số 46/2010/NĐ-CP); viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý theo quy định của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (gọi tắt là Nghị định số 29/2012/NĐ-CP). Tuy nhiên, chính sách thôi việc tự nguyện đối với công chức được thực hiện từ năm 2010 và viên chức từ năm 2012 đến nay, nhưng số lượng công chức, viên chức thôi việc theo chính sách này hằng năm ít (trung bình khoảng 20-30 người/năm), chủ yếu do hoàn cảnh gia đình hoặc chuyển sang khu vực tư nhân. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách hỗ trợ thôi việc hiện nay thấp¹, đặc biệt đối với những người có thời gian công tác ngắn.

Mặt khác, thực tế hiện nay, cán bộ (cấp xã) và công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có nguyện vọng thôi việc hoặc những trường hợp còn thời gian công tác từ 3 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu cũng có nguyện vọng nghỉ công tác, chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu nhưng không thể áp dụng giải quyết theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP do không đủ điều kiện nghỉ tinh giản. Như vậy, nếu có chính sách hỗ trợ của tỉnh để các đối tượng này có thể được xét giải quyết cho thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu thì sẽ thuận lợi trong việc thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.v.v...

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, quy định hiện hành của nhà nước và những khó khăn, bất cập từ thực tiễn nêu trên thì việc đề nghị xây dựng và ban hành chính sách của tỉnh hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu là hoàn toàn phù hợp và cần thiết. Góp phần tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tinh giản biên chế để đến năm 2021, tỉnh Hà Giang đạt mục tiêu giảm ít nhất 10% tổng biên chế so với năm 2015 theo quy định của Trung ương, đồng thời góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công

¹ Trợ cấp thôi việc theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP, Nghị định 29/2012/NĐ-CP quy định công chức, viên chức thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc như sau: cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo hưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng.

Tương ứng với chế độ chính sách thì: Nếu công chức, viên chức có 5 năm công tác được hỗ trợ là 10 triệu, 10 năm là 25 triệu, 15 năm là 45 triệu, 20 năm là 70 triệu) so với một số chính sách liên quan ban hành sau đó như Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ thì bình quân công chức được hỗ trợ khoảng 100 triệu đồng/người, viên chức sự nghiệp giáo dục được hỗ trợ khoảng 150 triệu đồng/người (cao hơn cán bộ, công chức do có thâm niên nghề), viên chức sự nghiệp khác thì mức bình quân tương đương với công chức.

chức, viên chức; đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trong các đơn vị sự nghiệp công.

Qua tham khảo, một số địa phương cũng đã ban hành chính sách tương tự, như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Yên Bái.

2. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện (trừ đơn vị tự chủ 100%).

3. Về đối tượng, điều kiện áp dụng

3.1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

3.2. Điều kiện áp dụng

a) Đối tượng tại Điểm 2.1 nếu tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách thôi việc ngay.

b) Trường hợp đối tượng tại Điểm 2.1 nếu có thời gian công tác còn từ 6 tháng đến đủ 3 năm thì nghỉ hưu mà tự nguyện nghỉ công tác, chờ đủ tuổi nghỉ hưu và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu.

Ưu tiên đối với các đối tượng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nghị quyết không áp dụng đối với các đối tượng sau

4.1. Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ;

4.2. Công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh;

4.3. Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; bác sỹ, dược sỹ đại học trở lên; viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự chủ 100%;

4.4. Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, hoặc đang bị xem xét kỷ luật, đang trong thời gian thi hành kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Về mức hỗ trợ

5.1. Đối tượng thôi việc ngay: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, *được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội².*

5.2. Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu: Được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương và được đóng BHXH, BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh trong thời gian chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

6. Về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang dự kiến kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo bằng việc bố trí 2% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên hằng năm của tỉnh (không bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương)³ và từ kinh phí vượt thu hằng năm (nếu có).

Hằng năm, tùy thuộc vào nguồn kinh phí, tỉnh sẽ ưu tiên bố trí để giải quyết chính sách đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, đơn vị trong diện sắp xếp kiện toàn tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng đề nghị và rất mong sớm nhận được ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Bảo Hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 28/6/2018; để Ủy ban nhân dân tỉnh kịp hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp thứ 7 - HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 -2021 *(dự kiến khai mạc vào đầu tháng 7/2018).*

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CV NC, KTTH;
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT. *et*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

² Bảng mức hỗ trợ của tỉnh Vĩnh Phúc tại Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc.

³ Theo tính toán của Sở Tài chính, dự kiến khoảng 15 tỷ đồng.

Số: /2018/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng
tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; Báo cáo thẩm tra của....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu thuộc địa phương quản lý, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện (trừ đơn vị tự chủ 100%).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

3. Điều kiện áp dụng:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này nếu tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách thôi việc ngay.

b) Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có thời gian công tác còn từ 6 tháng đến đủ 3 năm thì nghỉ hưu mà tự nguyện nghỉ công tác, chờ đủ tuổi nghỉ hưu và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng chính sách nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu;

Ưu tiên đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Mức hỗ trợ:

a) Đối tượng thôi việc ngay quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, **được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội;**

b) Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này: **Được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương và được đóng BHXH, BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh trong thời gian chờ đủ tuổi nghỉ hưu.**

5. Nghị quyết không áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh;

c) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; bác sỹ, dược sỹ đại học trở lên; viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự chủ 100%;

đ) Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, hoặc đang bị xem xét kỷ luật, đang trong thời gian thi hành kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

6. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo bằng việc bố trí 2% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên hằng năm của tỉnh (không bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương) và từ kinh phí vượt thu hằng năm (nếu có).

7. Thời gian thực hiện: Nghị quyết được thực hiện kể từ ngày .../.../2017 đến hết ngày 31/12/2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Lao động TBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Hội đặc thù tỉnh;
- Đảng ủy các Khối cơ quan, Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy;
- HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin công báo (VPUBND tỉnh);
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ (CCVC);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Thào Hồng Sơn

Số: 163 /BC-STP

Hà Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động tự nguyện
thời việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu**

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 506/SNV-CCVC ngày 21/6/2018 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thời việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị thẩm định, đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan như:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp như sau:

1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết do Sở Nội vụ gửi đề nghị thẩm định chưa đầy đủ theo quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Chương XIII (từ điều 112 đến điều 126) của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Về thẩm quyền ban hành Nghị quyết: Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước có quy định Hội đồng nhân dân tỉnh được "*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do chính phủ, thủ tướng chính phủ, bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chỉ có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ lao động - Thương binh và xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp*".

Tại điểm b, khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

"Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương và

được đóng BHXH, BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh trong thời gian chờ đủ tuổi nghỉ hưu". Do chế độ chỉ có tính chất tiền lương, phụ cấp và đóng BHXH, BHYT từ nguồn ngân sách tỉnh, nhưng trong hồ sơ do Sở Nội vụ gửi đề nghị thẩm định chưa có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ lao động - Thương binh và xã hội và Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Vì vậy Sở Tư pháp không có cơ sở để thẩm định nội dung này của Nghị quyết.

Từ những lý do trên Sở Tư pháp thấy rằng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu không đủ điều kiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Kính chuyển Sở Nội vụ nghiên cứu./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDKTVB.06



Nguyễn Chí Thường

Số: 145 /BC-SNV

Hà Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến còn khác nhau
tại phiên họp UBND tỉnh chiều ngày 25/6/2018 về dự thảo
Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng
tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu

Chiều ngày 25/6/2018 tại phiên họp UBND tỉnh thảo luận cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu;

Trên cơ sở ý kiến kết luận, chỉ đạo của Chủ tọa phiên họp, Sở Nội vụ báo cáo, xin ý kiến Thường trực UBND tỉnh như sau:

1. Ý kiến đề nghị xem xét thu gọn đối tượng áp dụng

- Ý kiến của Sở Nội vụ: Giữ nguyên như dự thảo là phù hợp.

Lý do:

Tại dự thảo đã quy định việc ưu tiên giải quyết chính sách như sau: "*Ưu tiên đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền*".

Ngoài ra dự thảo đã quy định đối tượng tự nguyện thôi việc, tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu phải được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý bằng văn bản đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt

2. Về ý kiến quy định cụ thể cho đối tượng công tác tại nơi có hệ số phụ cấp khu vực 0,7:

- Ý kiến của Sở Nội vụ: Giữ nguyên như dự thảo là phù hợp.

Lý do: Dự thảo đã bám sát vào chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và quy định của pháp luật để xây dựng chính sách. Chính sách này nhằm khuyến khích việc tự nguyện, không bắt buộc;

Mặt khác: Điều 54, Luật BHXH quy định đối với công chức, viên chức, người lao động có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên: Nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi và nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu. Như vậy, Luật BHXH đã quy định việc nghỉ hưu sớm hơn đối với đối tượng này.

3. Ý kiến đề nghị không áp dụng đối với đối tượng còn dưới 12 tháng nghỉ hưu:

- Ý kiến Sở Nội vụ: Nhất trí tiếp thu và điều chỉnh lại như sau "*Không áp dụng đối với trường hợp còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định*".

4. Ý kiến đề nghị đối với đối tượng còn 1 năm đến 3 năm đến tuổi nghỉ hưu: nên cho nghỉ ngay và áp dụng giảm trừ tỷ lệ % lương hưu

- Ý kiến Sở Nội vụ: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

Lý do: Đây là chính sách đặc thù, có tác động trực tiếp đến quyền lợi của người lao động, nếu quy định áp dụng cho nghỉ hưu ngay và trừ tỷ lệ % lương hưu sẽ không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chắc chắn đối tượng này sẽ không nghỉ.

5. Ý kiến xem xét quy định mức hỗ trợ tối đa đối với đối tượng thôi việc ngay:

- Ý kiến Sở Nội vụ: Nhất trí tiếp thu và đề xuất sửa lại điểm a Khoản 4 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết như sau: "*a) Đối tượng thôi việc ngay quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc (tương đương 6 triệu đồng/năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội) nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/người*".

Trên cơ sở ý kiến còn khác nhau, Sở Nội vụ tiếp thu, báo cáo đề xuất hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết.

Kính trình Thường trực UBND tỉnh xem xét, quyết định (Có dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa kèm theo)./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Thường trực UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCVC.



Hoàng Hải Lý